TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
HỘI ĐỒNG THI CCƯDCNTT CƠ BẢN 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC VIÊN HOÀN THÀNH KỲ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN KHÓA VIII NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 601 /QĐ-ĐHTTr ngày 20 tháng 07 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
					TN	TL	
1	Nguyễn Văn	Bắc	22/09/1967	Tuyên Quang	5.75	5.00	K8-2020
2	Nguyễn Thị	Bình	18/11/1972	Tuyên Quang	8.75	5.00	K8-2020
3	Nguyễn Văn	Việt	27/10/1976	Tuyên Quang	8.75	5.00	K8-2020
4	Hoàng Quốc	Doanh	01/05/1985	Tuyên Quang	9.00	8.00	K8-2020
5	Lương Viết	Dư	20/04/1980	Tuyên Quang	7.50	5.50	K8-2020
6	Chẩu Thị	Đào	27/11/1984	Tuyên Quang	8.50	5.50	K8-2020
7	Nguyễn Ngọc	Điệp	02/10/1980	Tuyên Quang	9.25	8.50	K8-2020
8	Nông Thị	Hằng	04/05/1988	Tuyên Quang	8.25	5.00	K8-2020
9	Đào Phương	Hậu	16/08/1986	Tuyên Quang	7.50	5.50	K8-2020
10	Quan Thị	Hậu	09/08/1988	Tuyên Quang	9.00	7.00	K8-2020
11	Nguyễn Thị Minh	Hiệp	14/10/1981	Tuyên Quang	8.00	6.50	K8-2020
12	Lê Thị Thu	Hòa	31/01/1985	Tuyên Quang	6.75	6.00	K8-2020
13	Lê Thị Mai	Hồng	28/02/1994	Tuyên Quang	8.50	5.50	K8-2020
14	Nguyễn Thị	Huệ	14/07/1980	Bắc Ninh	7.25	6.50	K8-2020
15	Trần Thủy	Lệ	19/10/1983	Tuyên Quang	5.00	5.50	K8-2020
16	Nguyễn Thị Yến	Liễu	02/08/1975	Tuyên Quang	8.75	8.50	K8-2020
17	Hỏa Thị	Mai	22/08/1991	Tuyên Quang	9.00	5.00	K8-2020
18	Hoàng Thị	Mến	19/10/1989	Tuyên Quang	7.25	5.00	K8-2020
19	Phạm Thị Bích	Nga	21/07/1971	Tuyên Quang	8.75	7.50	K8-2020

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
					TN	TL	
20	Nguyễn Gia	Nghị	13/02/1993	Tuyên Quang	9.25	7.50	K8-2020
21	Trần Thị	Nhẫn	19/02/1976	Hà Giang	7.75	7.50	K8-2020
22	Trần Thu	Phương	05/12/1970	Tuyên Quang	8.00	8.00	K8-2020
23	Tống Thị Thu	Phương	08/01/1979	Tuyên Quang	6.25	6.50	K8-2020
24	Cao Thị Bích	Phượng	17/06/1971	Tuyên Quang	8.25	5.00	K8-2020
25	Nguyễn Đức Tấn	Sang	21/01/1999	Tuyên Quang	8.00	7.50	K8-2020
26	Nguyễn Văn	Sơn	23/01/1998	Tuyên Quang	7.00	5.00	K8-2020
27	Lê Anh	Sơn	26/07/1982	Tuyên Quang	8.75	7.00	K8-2020
28	Nguyễn Bảo	Sơn	23/01/2000	Tuyên Quang	8.00	8.50	K8-2020
29	Vũ Thị Minh	Tân	10/12/1982	Tuyên Quang	6.50	6.50	K8-2020
30	Bàn Thanh	Tình	01/06/1976	Tuyên Quang	7.25	5.00	K8-2020
31	Hoàng Văn	Tuấn	10/07/1979	Tuyên Quang	7.75	7.00	K8-2020
32	Nguyễn Mạnh	Tuấn	29/12/1970	Hà Nội	9.75	9.00	K8-2020
33	Vũ	Tuấn	03/11/1965	Tuyên Quang	9.25	9.00	K8-2020
34	Trần Đức	Tuấn	18/12/1983	Tuyên Quang	8.75	8.50	K8-2020
35	Hoàng Thị Kim	Tuyến	19/10/1972	Tuyên Quang	9.00	6.00	K8-2020
36	Hà Thị Thu	Thanh	28/10/1985	Tuyên Quang	8.00	9.50	K8-2020
37	Nguyễn Thị	Thành	17/11/1980	Tuyên Quang	9.25	9.50	K8-2020
38	Vũ Văn	Thịnh	30/03/1976	Tuyên Quang	8.50	5.00	K8-2020
39	Vương Thị	Thu	20/10/1976	Tuyên Quang	8.00	5.00	K8-2020
40	Lê Văn	Thủy	02/02/1966	Tuyên Quang	8.25	5.00	K8-2020
41	Trần Thu	Thụy	04/08/1986	Tuyên Quang	8.50	7.00	K8-2020
42	Hoàng Kiều	Vân	13/08/1995	Tuyên Quang	8.00	7.50	K8-2020
43	Triệu Thị Bạch	Vân	03/12/1988	Hà Giang	8.00	8.50	K8-2020

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
					TN	TL	
44	Quách Thị	Vân	10/02/1986	Tuyên Quang	9.50	9.00	K8-2020
45	Phùng Thị Mai	Xuân	21/11/1990	Tuyên Quang	9.50	9.00	K8-2020
46	Vũ Thị Thu	Hương	21/02/1976	Tuyên Quang	8.75	5.50	K8-2020
47	La Thị	Phượng	20/08/1992	Tuyên Quang	8.25	5.50	K8-2020

(Danh sách có 47 học viên)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
				TN	TL	